

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5350** /BGDDT-TĐKT

V/v hướng dẫn tổ chức hoạt động và
binh xét thi đua khối các sở giáo
dục và đào tạo

Hà Nội, ngày **25** tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” trong ngành Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn phân chia cụm thi đua, tổ chức hoạt động và binh xét thi đua của khối các sở giáo dục và đào tạo từ năm học 2019 - 2020 như sau:

I. PHÂN CHIA CỤM THI ĐUA

1. Cụm 1, gồm các sở giáo dục và đào tạo 05 thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.
2. Cụm 2, gồm các sở giáo dục và đào tạo 09 tỉnh Đồng bằng sông Hồng: tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình.
3. Cụm 3, gồm các sở giáo dục và đào tạo 10 tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung: tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.
4. Cụm 4, gồm các sở giáo dục và đào tạo 07 tỉnh Miền núi biên giới phía Bắc: tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.
5. Cụm 5, gồm các sở giáo dục và đào tạo 07 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc: tỉnh Hòa Bình, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái.
6. Cụm 6, gồm các sở giáo dục và đào tạo 06 tỉnh Bắc Trung Bộ: tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.
7. Cụm 7, gồm các sở giáo dục và đào tạo 07 tỉnh miền Đông Nam Bộ: tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận.
8. Cụm 8, gồm các sở giáo dục và đào tạo 11 tỉnh miền Tây Nam Bộ: tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Cà Mau và Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

II. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM THI ĐUA

1. Tổ chức

1.1. Cụm thi đua gồm một số sở giáo dục và đào tạo có đặc điểm tương đồng về địa lý, kinh tế, xã hội được phân chia theo Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

1.2. Cụm thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó và các đơn vị thành viên. Năm học 2019 - 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công Cụm trưởng, Cụm phó như sau:

TT	Cụm	Cụm trưởng (Sở GDĐT)	Cụm phó (Sở GDĐT)
1.	Cụm 1	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Hà Nội
2.	Cụm 2	Nam Định	Ninh Bình
3.	Cụm 3	Khánh Hòa	Bình Định
4.	Cụm 4	Điện Biên	Lạng Sơn
5.	Cụm 5	Yên Bái	Bắc Giang
6.	Cụm 6	Nghệ An	Thừa Thiên - Huế
7.	Cụm 7	Tây Ninh	Bình Dương
8.	Cụm 8	Đồng Tháp	Tiền Giang

Các năm tiếp theo, Cụm trưởng và Cụm phó được bầu chọn luân phiên trong dịp tổng kết, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Cụm trưởng tổ chức điều hành hoạt động của Cụm ngay sau khi được phân công.

1.3. Bộ phận Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở giáo dục và đào tạo là cơ quan thường trực giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó và thành viên trong cụm.

2. Nhiệm vụ

2.1. Cụm trưởng

- a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Cụm thi đua;
- b) Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong cụm thi đua, phối hợp tổ chức các hoạt động chung; trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, phối hợp tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; bàn các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn và công tác thi đua, khen thưởng;
- c) Chủ trì tổ chức việc rà soát, góp ý kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị trong Cụm, báo cáo tổng hợp kết quả tự chấm điểm về Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức các hoạt động của Cụm theo quy định;
- d) Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học, Hội nghị tổng kết năm học và các hoạt động khác của Cụm. Báo cáo tổng kết năm học và kết quả bầu chọn Cụm trưởng, Cụm phó theo quy định.

2.2. Cụm phó

- a) Phối hợp với Cụm trưởng xây dựng Chương trình, kế hoạch hoạt động của Cụm theo quy định;

b) Thay mặt Cụm trưởng giải quyết một số công việc khi được Cụm trưởng ủy quyền;

c) Phối hợp với Cụm trưởng tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học, Hội nghị tổng kết năm học; tổng hợp kết quả tự chấm điểm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Các đơn vị thành viên trong Cụm thi đua

a) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Cụm;

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thi đua của Cụm;

c) Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua;

d) Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác kèm minh chứng, tự chấm điểm thi đua qua phần mềm gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định tại danh mục tiêu chí thi đua gửi kèm) và Cụm trưởng trước ngày 10 tháng 6.

3. Hoạt động của Cụm thi đua

3.1. Cụm thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số.

3.2. Cụm trưởng và các thành viên trong Cụm thi đua được sử dụng con dấu của đơn vị làm Cụm trưởng và các phương tiện được giao quản lý để phục vụ cho các hoạt động của Cụm. Kinh phí hoạt động của Cụm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.3. Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học

a) Thành phần

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục;

- Đại diện lãnh đạo các sở giáo dục và đào tạo trong Cụm thi đua;

- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở giáo dục và đào tạo, đại diện một số đơn vị có liên quan của sở giáo dục và đào tạo trong Cụm, chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong Cụm.

b) Nội dung

- Triển khai nhiệm vụ năm học và nội dung phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động;

- Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện phong trào thi đua phù hợp với các sở giáo dục và đào tạo trong Cụm;

- Trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng;

- Giới thiệu các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua của các đơn vị trong Cụm.

c) Thời gian hoàn thành trước ngày 15 tháng 10 hằng năm. Riêng năm học 2019 - 2020 hoàn thành hội nghị trước ngày 15/02/2020.

3.4. Hội nghị tổng kết năm học

a) Thành phần:

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục;

- Đại diện lãnh đạo các sở giáo dục và đào tạo trong Cụm thi đua;
- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở giáo dục và đào tạo, đại diện một số đơn vị có liên quan của sở giáo dục và đào tạo trong Cụm, chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong Cụm.

b) Nội dung:

- Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm thi đua trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; phổ biến các điển hình tiêu biểu và cách làm hay của các đơn vị trong Cụm;

- Thống nhất việc tự chấm điểm thi đua các đơn vị trong Cụm;

- Bầu Cụm trưởng, Cụm phó mới cho năm tiếp theo;

Trước khi tiến hành Hội nghị tổng kết, Cụm trưởng chủ trì tổ chức họp trú bị để thống nhất các nội dung trên.

c) Thời gian hoàn thành Hội nghị tổng kết và gửi báo cáo qua phần mềm về Bộ (qua các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định) trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

3.5. Trước khi tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học và Hội nghị tổng kết năm học, Cụm trưởng thống nhất thời gian, gửi báo cáo và giấy mời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng và Vụ Thi đua - Khen thưởng) để phân công lãnh đạo Bộ hoặc một số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành tham dự.

3.6. Ngoài 02 hội nghị quy định trên, căn cứ Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ năm học của ngành Giáo dục, các Cụm thi đua có thể tổ chức các hoạt động tọa đàm, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả để nâng cao chất lượng hoạt động của Cụm.

III. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA

1. Tiêu chí cụ thể (có danh mục tiêu chí thi đua kèm theo)

2. Nguyên tắc và cách chấm điểm

2.1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là 2250 điểm; điểm thưởng tối đa cho 01 sở giáo dục và đào tạo là 250 điểm;

b) Không xét khen thưởng hoặc hạ bậc khen thưởng đối với các sở giáo dục và đào tạo để xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng (theo kết luận của cấp có thẩm quyền), làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của địa phương và ngành;

c) Các Cụm thống nhất điểm tự đánh giá của các đơn vị trong Cụm; các đơn vị thuộc Bộ chấm thẩm định, gửi kết quả chấm điểm về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

2.2. Cách chấm điểm

a) Chấm điểm theo danh mục tiêu chí đánh giá thi đua

- Mức 1: Không đạt yêu cầu: Không đáp ứng được yêu cầu tiêu chí hoặc không có tài liệu, minh chứng cho kết quả.

- Mức 2: Không đạt điểm tối đa: Thực hiện chưa đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chí hoặc các minh chứng chưa đủ, chưa rõ ràng. Số điểm sẽ tính bằng số điểm tối đa x phần trăm công việc đạt được hoặc minh chứng đưa ra (ví dụ: chỉ hoàn thành 80% nhiệm vụ hoặc chỉ có 80% minh chứng và số điểm tối đa của tiêu chí là 50 thì Sở chỉ đạt: $80\% \times 50 \text{ điểm} = 40 \text{ điểm}$).

- Mức 3: Đạt điểm tối đa: Thực hiện đầy đủ yêu cầu của tiêu chí, có các minh chứng rõ ràng, thuyết phục.

b) Quy định về điểm thưởng và điểm trừ

Ngoài số điểm theo quy định, các Cụm thi đua và các đơn vị thuộc Bộ khi chấm điểm hoặc chấm thẩm định được cho các sở điểm thưởng hoặc điểm trừ với số điểm không vượt quá 20% tổng số điểm của từng lĩnh vực/tiêu chí có liên quan. Cụ thể:

- Điểm thưởng: Dành cho các sở có thành tích vượt trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có ý nghĩa lan tỏa trong toàn ngành hoặc có sự vươn lên vượt bậc so với năm học trước;

- Điểm trừ: Dành cho các sở có vi phạm làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của ngành, của địa phương.

IV. QUY ĐỊNH VỀ SỐ LƯỢNG CỜ THI ĐUA VÀ BẰNG KHEN BỘ TRƯỞNG

1. Quy định số lượng đơn vị được bình chọn, đề nghị khen thưởng

a) Cụm thi đua có từ 09 đơn vị trở xuống: Chọn 01 đơn vị dẫn đầu đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” và tặng không quá 03 Bằng khen Bộ trưởng cho đơn vị có điểm thấp hơn liền kề;

b) Cụm thi đua có từ 10 đơn vị trở lên: Chọn 01 đơn vị dẫn đầu đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” và tặng không quá 04 Bằng khen Bộ trưởng cho đơn vị có điểm thấp hơn liền kề;

c) Nếu cụm thi đua có 02 đơn vị trở lên có điểm cao nhất bằng nhau thì đơn vị nào có tổng điểm thực hiện tiêu chí thi đua các vụ bậc học cao hơn thì được chọn là đơn vị dẫn đầu.

2. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các sở giáo dục và đào tạo và kết quả chấm thẩm định của các đơn vị thuộc Bộ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành họp xem xét thành tích, đề nghị Bộ trưởng quyết định tặng Cờ thi đua và Bằng khen Bộ trưởng cho các Sở.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cụm trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của Cụm thi đua theo các nội dung của hướng dẫn này.

2. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chỉ đạo của Bộ, các sở giáo dục và đào tạo triển khai tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” đến các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Kết thúc năm học, các sở giáo dục và đào tạo bình xét, lựa chọn:

a) 01 tập thể của mỗi cấp học, 01 phòng giáo dục và đào tạo có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động để đề nghị xét tặng Cờ thi đua;

b) Các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động, kèm minh chứng, sản phẩm để đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *set*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TĐKT (10).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỎI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số **5350**/BGDDĐT-TĐKT ngày **25** tháng **M** năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ
1.	Nhiệm vụ 1: Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non - phổ thông		100	Cục Cơ sở vật chất
1.1	Chủ trương của địa phương.	Nghị quyết, quyết định của tỉnh/thành ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	20	
1.2	Kế hoạch, lộ trình triển khai tổ chức thực hiện.	- Có quyết định phê duyệt kế hoạch, đề án, chương trình cụ thể (đã được phê duyệt), với các nội dung: + Mục tiêu chung. + Mục tiêu cụ thể: số lượng đơn vị rà soát, sắp xếp; kết quả sau rà soát, sắp xếp (số lượng cơ sở giáo dục, điểm trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất..., đối chiếu với trước khi rà soát, sắp xếp). + Nguồn lực thực hiện; kế hoạch, giải pháp huy động các nguồn lực. + Đánh giá tác động của việc rà soát, sắp xếp - Có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của sở (đã được phê duyệt).	30	

fat

1.3	Kết quả thực hiện.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch, đề án, chương trình được duyệt: - Số lượng đơn vị rà soát, sắp xếp; số lượng cơ sở giáo dục, điểm trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh... (đối chiếu so với năm trước và kế hoạch được duyệt). - Nguồn vốn đã huy động thực hiện. 	50	
2.	Nhiệm vụ 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục		100	Cục Nhà giáo và Cán bộ QLGD
2.1	Công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo		20	
	Quản trịet và tổ chức triển khai thực hiện việc nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. - Kế hoạch và kết quả phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. - Kết quả xử lý vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có). 		
2.2	Công tác tuyển dụng, sử dụng, tinh giản; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý; thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho đội ngũ giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục		20	
	Công tác rà soát, tuyển dụng, tinh giản biên chế.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo triển khai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có). - Văn bản của sở giáo dục và đào tạo/liên sở hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. - Kết quả rà soát, tuyển dụng, tinh giản biên chế. 		

fat

	Thực hiện chế độ làm việc của giáo viên.	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ sở giáo dục; - Kết quả thực hiện chế độ làm việc của giáo viên. 		
	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo triển khai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có). - Văn bản của sở giáo dục và đào tạo/liên sở hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. - Kết quả triển khai công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý. 		
	Thực hiện thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo triển khai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có). - Văn bản của sở giáo dục và đào tạo/liên sở hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. - Kết quả triển khai thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục. 		
2.3	Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.		20	
	Bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện. - Kế hoạch và kết quả thực hiện. 		
	Bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng. - Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng. 		

fat

	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, phổ thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng. - Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng. 	
	Thực hiện cơ chế phối hợp trong triển khai bồi dưỡng.	- Kế hoạch/văn bản và kết quả thực hiện phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện bồi dưỡng.	
2.4	Thực hiện chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, tôn vinh, khen thưởng		20
	Thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương và các ưu đãi khác (nếu có) cho đội ngũ. - Kết quả thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương và các ưu đãi khác (nếu có) cho đội ngũ. 	
	Triển khai công tác tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện. - Kết quả tổ chức thực hiện. 	
	Thực hiện chính sách ưu đãi, đãi ngộ của địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tham mưu với địa phương có chính sách đãi ngộ với đội ngũ. - Kết quả thực hiện. 	
2.5	Thực hiện công tác quản lý		20
	Triển khai đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng. - Kết quả đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu. 	

kt

	Thực hiện đánh giá giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo quy định của Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức.	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của cấp có thẩm quyền.		
	Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chế độ chính sách.	Kết quả thực hiện		
3.	Nhiệm vụ 3: Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc.		700	
3.1	Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non		100	Vụ Giáo dục Mầm non
3.1.1	Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ: - Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; phòng chống tai nạn thương tích (Theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP; Chỉ thị số 993/CT-BGDĐT; Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT). - Thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo an toàn cho trẻ tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	- Kế hoạch/Văn bản hướng dẫn về xây dựng môi trường; phòng chống bạo lực, tai nạn thương tích. - Kết quả triển khai bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT. - Văn bản quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Kế hoạch/Công văn hướng dẫn đảm bảo an toàn nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	30	
3.1.2	Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe của trẻ: - Duy trì, nâng cao tỷ lệ trẻ ăn bán trú. - Có 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng	- Tỷ lệ ăn bán trú. - Số lượng trẻ kiểm tra sức khỏe định kỳ.	30	

	trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và béo phì	- Số lượng tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và béo phì.		
3.1.3	Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: - Triển khai có hiệu quả chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. - Đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ. - Hỗ trợ, phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc giáo dục trẻ có chất lượng. - Thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng hợp lý và chế độ vận động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho trẻ. - Có giải pháp đổi mới giáo dục hòa nhập.	- Hướng dẫn nhiệm vụ năm học/Kế hoạch tổng kết chuyên đề/Báo cáo tổng kết 5 năm triển khai thực hiện chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. - Hướng dẫn nhiệm vụ năm học/Kế hoạch/Văn bản chỉ đạo tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn. - Kết quả thực hiện. - Chính sách cho trẻ học hòa nhập, có thể có trung tâm giáo dục hòa nhập.	30	
3.1.4	Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn; không lạm dụng hồ sơ sổ sách theo quy định.	- Kết quả đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn. - Số lượng hồ sơ, sổ sách theo quy định.	10	
3.2	Nâng cao chất lượng giáo dục Tiểu học		100	Vụ GD Tiểu học
3.2.1	Công tác chỉ đạo			
	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ và phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.	Văn bản chỉ đạo của địa phương và kết quả thực hiện.	20	
	Tham mưu đề xuất các cấp lãnh đạo và chỉ đạo có hiệu quả việc chuẩn bị các điều kiện cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học	Văn bản chỉ đạo của địa phương và kết quả thực hiện.	20	

fat

3.2.2	Chất lượng giáo dục tiểu học			
	Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15	
	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15	
	Tỷ lệ học sinh lớp 1,2,3,4,5 hoàn thành chương trình lớp học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15	
	Tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh khuyết tật trong độ tuổi tiểu học được đi học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15	
3.3	Nâng cao chất lượng giáo dục trung học (bao gồm đầy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở)		200	Vụ GD Trung học
3.3.1	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc sử dụng thường xuyên và hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Kết quả thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, có số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng các điển hình sáng tạo của địa phương.	50	
3.3.2	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	Kết quả thực hiện hiệu quả đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá kết quả, có số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng các điển hình sáng tạo của địa phương.	50	
3.3.3	Chỉ đạo, tổ chức và quản lý việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, giáo dục chuyên biệt.	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, giáo dục chuyên biệt. Các giải pháp thực hiện.	50	
3.3.4	Chỉ đạo, tổ chức và quản lý việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.	Kết quả việc đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp, kết quả triển khai các nội dung hướng dẫn trong Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 16/4/2019.	50	

fat

3.4	Đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên		100	Vụ GD thường xuyên
3.4.1	Triển khai, kiểm tra, giám sát kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của ngành về giáo dục thường xuyên; chủ động sáng tạo trong việc triển khai nhiệm vụ năm học, phù hợp với thực tiễn địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đối với cơ sở giáo dục thường xuyên. - Kết quả tổ chức thực hiện các Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020, Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020 và các văn bản chỉ đạo của Ngành về giáo dục thường xuyên. 	30	
3.4.2	Đa dạng hóa nội dung chương trình giáo dục ở nhiều lĩnh vực, thu hút nhiều người tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục thường xuyên; thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học viên.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả việc triển khai các chương trình giáo dục thường xuyên và số lượng người học các chương trình; kết quả triển khai thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học viên. 	30	
3.4.3	Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. 	20	
3.4.4	Củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên; quản lý trung tâm Ngoại ngữ - Tin học theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng, tỷ lệ mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên. Kết quả quy hoạch, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định. - Kết quả việc chỉ đạo quản lý các trung tâm Ngoại ngữ - Tin học. 	20	
3.5	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học.		50	Vụ GD chính trị và Công tác HSSV
3.5.1	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; xây dựng bộ quy tắc ứng xử; công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trường học; nền nếp, kỷ cương, dân chủ và công tác Đoàn, Đội trong trường học.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện. - Mô hình giáo dục đạo đức, lối sống tiêu biểu; Danh sách các trường đã thành lập tổ tư vấn tâm lý. Tỷ lệ các trường thành lập Tổ Tư vấn học đường và xây dựng kế hoạch triển khai; số lượng 	20	

		<p>cán bộ kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý được tập huấn, cấp chứng chỉ.</p> <p>- Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; danh sách các trường đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ Đoàn, Đội.</p>		
3.5.2	<p>- Triển khai các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; không để xảy ra bạo lực học đường, học sinh vi phạm pháp luật</p> <p>- Tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho học sinh khi sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe ô tô theo Công văn số 3523/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 16/8/2019.</p>	<p>- Văn bản chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện.</p> <p>- Báo cáo kịp thời các vụ việc an ninh trật tự trường học, bạo lực học đường, xâm hại xảy ra (nếu có).</p> <p>- Tỷ lệ các trường đã tập huấn cho giáo viên, học sinh về kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn khi sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe ô tô.</p>	15	
3.5.3	<p>- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; hướng dẫn học sinh sử dụng mạng internet, mạng xã hội an toàn, lành mạnh, đúng quy định của pháp luật; Chỉ thị số 05/CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;</p> <p>- Xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT.</p>	<p>- Văn bản chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện.</p> <p>- Kết quả tập huấn cho đội ngũ công tác viên quản lý, giáo dục học sinh trên môi trường mạng.</p> <p>- Danh sách cá nhân, tập thể tiêu biểu thực hiện Chỉ thị số 05/CT/TW.</p> <p>- Các vụ việc an ninh chính trị xảy ra (nếu có).</p> <p>- Tỷ lệ các trường học xây dựng bộ quy tắc ứng xử, (Danh sách các trường xây dựng bộ quy tắc ứng xử).</p>	15	
3.6	Công tác giáo dục thể chất		50	Vụ GD thể chất
3.6.1	<p>Chỉ đạo và hướng dẫn triển khai thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao, y tế trường học và phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước.</p>	<p>Có văn bản hướng dẫn, có kế hoạch triển khai; kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, công tác y tế trường học, phong trào thể thao trường học trong năm học.</p>	10	

fat

3.6.2	Tổ chức các hoạt động (giải thi đấu thể thao) thi đấu thể thao cho học sinh quy mô tỉnh/thành phố; tham gia ít nhất 1-2 hoạt động thi đấu thể thao (giải thi đấu thể thao) học sinh do Bộ, ngành và cấp trên tổ chức; có ít nhất 80% cơ sở giáo dục có câu lạc bộ thể thao dành cho học sinh; có ít nhất 80% tổng số học sinh được kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức và kết quả tham gia các hoạt động thi đấu thể thao cho học sinh quy mô tỉnh/thành phố và toàn quốc. - Có danh sách tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thể lực của từng học sinh qua kiểm tra được cập nhật trên phần mềm. - Số liệu. 	10	
3.6.3	Có 100% cơ sở giáo dục đảm bảo đủ số lượng giáo viên giáo dục thể chất và được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, cứu đuối, phòng tránh tai nạn thương tích cho học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện. - Kế hoạch tập huấn. - Số liệu. 	10	
3.6.4	Có ít nhất 90% cơ sở giáo dục đảm bảo có đủ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, đáp ứng như cầu tối thiểu theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu câu lạc bộ thể thao. - Số liệu về cơ sở vật chất: Nhà tập, sân tập, dụng cụ tập luyện. 	10	
3.6.5	Đảm bảo 100% số cơ sở giáo dục có cán bộ y tế trường học, trong đó 60% là cán bộ chuyên trách có trình độ từ trung cấp y trở lên; có 90% số trường học đảm bảo công trình nước sạch, công trình vệ sinh sạch sẽ và hợp vệ sinh; có 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện. - Công văn chỉ đạo. - Số liệu. 	10	
3.7	Công tác giáo dục dân tộc		50	Vụ GD Dân tộc
3.7.1	Nâng cao chất lượng dạy và học trong hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú, các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi; xây dựng môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số. Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành và kế	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện của sở. - Kế hoạch tuyển sinh phổ thông dân tộc nội trú; kế hoạch xét duyệt học sinh bán trú. - Không có các vụ việc nổi cộm, gây bức xúc dư 	30	

	hoạch tuyển sinh được phê duyệt; công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và hoạt động tự học của học sinh trong khu nội trú, bán trú.	luyện trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh trong khu nội trú, bán trú.		
3.7.2	Thực hiện các chế độ, chính sách về giáo dục dân tộc; tăng cường đổi mới công tác quản lý, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi; bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện của địa phương. - Văn bản về chính sách phát triển giáo dục dân tộc. - Văn bản về chế độ, chính sách của địa phương đối với người dạy và người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi. - Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên (phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, giáo viên dạy tiếng dân tộc) hàng năm. 	20	
3.8	Công tác giáo dục Quốc phòng - An ninh		50	Vụ GD Quốc phòng và An ninh
3.8.1	Công tác quân sự, quốc phòng		20	
	Công tác lãnh, đạo chỉ đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh của cơ quan, đơn vị. - Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; hướng dẫn thực hiện công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự, cán bộ làm công tác quân sự, lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị. 		
	Hoạt động của Ban Chỉ huy, cán bộ làm công tác quân sự cơ quan, đơn vị.	- Hệ thống văn kiện công tác quân sự, quốc phòng của cơ quan, đơn vị.		

fat

		- Kết quả huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị, tham gia các đợt tập huấn công tác quân sự quốc phòng, phòng chống khủng bố do Bộ tổ chức.	
	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng.	Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh các cấp và kết quả thực hiện.	
3.8.2	Giáo dục quốc phòng và an ninh		30
	Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo dạy học giáo dục quốc phòng an ninh.	- Nghị quyết lãnh đạo hoặc nội dung lãnh đạo giáo dục quốc phòng an ninh trong Nghị quyết lãnh đạo của sở. - Văn bản hướng dẫn năm học có nội dung lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh cấp tiểu học, trung học cơ sở và môn học giáo dục quốc phòng an ninh cấp trung học phổ thông.	
	Tổ chức dạy học.	- Kết quả tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ. - Kết quả Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh theo đúng quy định của Bộ. - Bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, trang bị và vũ khí trong dạy và học môn giáo dục quốc phòng an ninh.	
	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh.	- Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đủ giáo viên và đáp ứng đạt chuẩn giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định. - Kết quả tập huấn và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh.	

fat

	Cơ sở vật chất, vũ khí trang thiết bị bảo đảm cho môn học.	- Kết quả bảo đảm trang thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ. - Kế hoạch mua sắm bổ sung hàng năm.		
4.	Nhiệm vụ 4: Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh		100	
4.1	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đối với giáo dục tiểu học		25	Vụ GD Tiểu học phối hợp với Đề án Ngoại ngữ quốc gia
4.1.1	Công tác chỉ đạo điều hành.	- Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể, lộ trình phù hợp để triển khai việc dạy và học ngoại ngữ đối với cấp tiểu học phù hợp với điều kiện và nhu cầu của địa phương. - Văn bản hướng dẫn về tổ chức thực hiện.	5	
4.1.2	Kết quả việc triển khai dạy và học ngoại ngữ cấp tiểu học trong năm học.	- Kết quả thực hiện - Văn bản báo cáo với minh chứng	10	
4.1.3	- Tỷ lệ học sinh khối 3-5 được học chương trình Tiếng Anh đảm bảo yêu cầu tối thiểu của Đề án (4 tiết/tuần). - Tỷ lệ giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn năng lực (từ B2 trở lên); tỷ lệ giáo viên ngoại ngữ được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm. - Tổ chức được các hoạt động tại địa phương nhằm phát động phong trào học Tiếng Anh, xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ đến các trường tiểu học trong địa bàn, hiệu quả việc xây dựng các trường điển hình về học ngoại ngữ.	- Kết quả thực hiện - Văn bản báo cáo với minh chứng	10	

4.2	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đối với giáo dục trung học	50	Vụ GD Trung học phối hợp với Đề án Ngoại ngữ quốc gia
	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025		
			- Kết quả triển khai Chương trình Tiếng Anh mới hệ 10 năm. - Các số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng thể hiện kết quả việc dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, các điển hình sáng tạo của địa phương.
4.3	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đối với giáo dục thường xuyên	25	Vụ GD Thường xuyên phối hợp với Đề án Ngoại ngữ quốc gia
4.3.1	Tổ chức dạy và học chương trình môn tiếng Anh thuộc Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và chương trình tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.	5	
			- Có văn bản hướng dẫn chỉ đạo các trung tâm giáo dục thường xuyên triển khai chương trình môn tiếng Anh thuộc Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và chương trình tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc. - Có học viên học chương trình giáo dục thường xuyên môn tiếng Anh và người học chương trình tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc tại các trung tâm giáo dục thường xuyên.
4.3.2	Tham gia tổ chức bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ trên địa bàn; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ và dạy học ngoại ngữ tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo	5	
			- Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ và đầu tư, xây dựng phòng học và các trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ và dạy học ngoại ngữ tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề

Handwritten signature

	dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.	<p>nghịệp - giáo dục thường xuyên.</p> <p>- Kết quả việc triển khai kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng giáo viên và dạy học ngoại ngữ tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.</p>		
4.3.3	Tăng cường ứng dụng công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ; đổi mới kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ theo hướng phát triển năng lực người học tại các trung tâm ngoại ngữ, tin học.	Kết quả việc triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học; kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	5	
4.3.4	Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên của các trung tâm ngoại ngữ, tin học.	<p>- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng.</p> <p>- Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng.</p>	5	
4.3.5	Đa dạng hóa các ngoại ngữ được dạy học, các hình thức, mô hình dạy học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.	<p>- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc đa dạng hóa các ngoại ngữ, các hình thức, mô hình dạy học ngoại ngữ.</p> <p>- Kết quả thực hiện.</p>	5	
5.	Nhiệm vụ 5: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học		100	Cục Công nghệ thông tin
5.1	Công tác tổ chức, bộ máy và công tác chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn		20	
	Phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin cấp sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục.	Báo cáo kết quả thực hiện.		
	Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng	Kế hoạch, quyết định của ủy ban nhân dân cấp		

fat

	dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017.	trình phê duyệt Kế hoạch hoặc phê duyệt Đề án thực hiện Quyết định của Thủ tướng.	
	Văn bản hướng dẫn: Triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin năm học 2019 - 2020; Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông (văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018).	- Văn bản của sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin hằng năm. - Văn bản của sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.	
5.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý		40
	Triển khai văn bản điện tử và sử dụng hệ thống e-office của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Kết quả triển khai văn bản điện tử (tỷ lệ văn bản điện tử hóa). - Số lượng, tỷ lệ văn bản điện tử giao dịch với Bộ qua hệ thống e-office của Bộ.	
	Triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu ngành theo yêu cầu tiến độ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Văn bản của sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo triển khai cơ sở dữ liệu ngành. - Tỷ lệ nhà trường báo cáo dữ liệu đúng tiến độ.	
	Triển khai phần mềm quản lý trường học (như quản lý học sinh, giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu)	- Tỷ lệ trường học đã triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến. - Tỷ lệ trường học đã triển khai phần mềm quản lý đáp ứng chuẩn dữ liệu của Bộ quy định. - Tỷ lệ trường học đã kết nối phần mềm quản lý ở nhà trường với cơ sở dữ liệu ngành.	
	Triển khai sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và triển khai giải pháp trao đổi thông tin về học tập, rèn luyện với phụ huynh học sinh qua OTT, email,	- Tỷ lệ trường học đã triển khai sổ điểm điện tử. - Tỷ lệ trường học đã triển khai học bạ điện tử. - Tỷ lệ trường học đã triển khai giải pháp kết nối,	

	website.	trao đổi thông tin với phụ huynh qua hình thức tin nhắn OTT, hoặc email, hoặc website hoặc ứng dụng di động.	
	Triển khai website giáo dục theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 19/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở giáo dục và đào tạo đã triển khai website theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT. - Tỷ lệ phòng giáo dục và đào tạo đã triển khai website theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT. - Tỷ lệ trường học đã triển khai website theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT. 	
	Triển khai dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai ở sở giáo dục và đào tạo. - Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai ở các phòng giáo dục và đào tạo. - Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai ở các cơ sở giáo dục. 	
	Triển khai họp trực tuyến được thực hiện giữa cơ quan quản lý giáo dục (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo) với các cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cuộc họp trực tuyến được tổ chức bởi sở giáo dục và đào tạo và các phòng giáo dục và đào tạo. - Số lượng giờ giảng được tổ chức dự giờ qua mạng. 	
5.3	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy - học, kiểm tra đánh giá		20
	Triển khai e-learning trong giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn triển khai e-learning. - Số lượng bài giảng e-learning được tuyển chọn gửi về Bộ. - Số lượt giáo viên được tham dự lớp tập huấn về thiết kế bài giảng e-learning. 	
	Triển khai ngân hàng trắc nghiệm trực tuyến	- Văn bản của sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo triển khai triển khai ngân hàng trắc nghiệm trực tuyến	

	(tracnghiem.itrithuc.vn)	(thực hiện văn bản số 5404/BGDĐT-GDTrH ngày 28/11/2018 của Bộ). - Số lượng câu hỏi đóng góp trên hệ thống ngân hàng trắc nghiệm trực tuyến.		
5.4	Các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin		20	
	Thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin trường học	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng máy tính phục vụ quản lý, công tác hành chính nhà trường. - Số lượng máy tính phục vụ công tác chuyên môn của giáo viên. - Số lượng máy tính phục vụ học tập của học sinh. - Số lượng bộ thiết bị trình chiếu được sử dụng dạy, học trong các nhà trường, trong đó số lượng màn hình trình chiếu được sử dụng. - Tỷ lệ trường học đã kết nối cáp quang. - Tỷ lệ trường học phải kết nối qua thiết bị 3G, 4G. - Tỷ lệ trường học chưa kết nối được Internet. 		
	Nhân lực sử dụng công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng giáo viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học. - Số lượng giáo viên có thể soạn bài giảng e-learning. - Số giáo viên đạt chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TTBTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (hoặc tương đương). - Số lượt cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin. - Số lượt giáo viên được tham dự tập huấn chuyên 		

fat

		môn qua mạng.		
6.	Nhiệm vụ 6: Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục		200	
6.1	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục mầm non		50	Vụ GD Mầm non
6.1.1	Đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; hướng dẫn công tác quản trị cơ sở giáo dục mầm non.	- Văn bản hướng dẫn. - Kết quả việc thực hiện tự chủ; công tác quản trị nhà trường theo yêu cầu tại Công văn số 3873/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2019.	25	
6.1.2	Thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động cơ sở giáo dục mầm non.	- Văn bản hướng dẫn. - Kết quả việc thực dân chủ theo yêu cầu tại Công văn số 3873/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2019	25	
6.2	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục tiểu học		50	Vụ GD Tiểu học
6.2.1	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng được kế hoạch giáo dục nhà trường có sự bố trí sắp xếp lại nội dung giáo dục phù hợp với thực tế địa phương	Văn bản chỉ đạo. Kết quả thực hiện.	15	
6.2.2	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng được kế hoạch giáo dục nhà trường có bổ sung các nội dung giáo dục phù hợp với nhu cầu và gắn với thực tế địa phương	Văn bản chỉ đạo. Kết quả thực hiện.	15	
6.2.3	Triển khai có hiệu quả việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, phân cấp, phân quyền....cho các cơ sở giáo dục	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể. Kết quả thực hiện với minh chứng cụ thể.	20	
6.3	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục trung học		50	Vụ GD Trung học
6.3.1	Tổ chức và quản lý việc thực hiện chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.	Tỉ lệ các nhà trường chủ động xây dựng thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh phù hợp	20	

		điều kiện của nhà trường.		
6.3.2	Công tác chuẩn bị thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.	Văn bản chỉ đạo. Kết quả triển khai các nội dung của Công văn 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 hướng dẫn triển khai chương trình giáo dục phổ thông.	20	
6.3.3	Chỉ đạo quản lý công tác chuyên môn, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ trong nhà trường.	Kết quả thực hiện Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019.	10	
6.4	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên		50	Vụ GD thường xuyên
6.4.1	Đổi mới công tác quản lý, giao quyền tự chủ cho trung tâm giáo dục thường xuyên.	- Các văn bản chủ trì hoặc phối hợp với các sở ban ngành, các tổ chức chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên. - Kết quả việc triển khai đổi mới công tác quản lý đối với trung tâm giáo dục thường xuyên.	20	
6.4.2	Khuyến khích các trung tâm chuyển trọng tâm hoạt động từ việc chỉ dạy văn hóa sang việc tổ chức các khóa học tập, bồi dưỡng ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời của người dân trên địa bàn theo Thông tư 26/2010/TT-BGDĐT ngày 27/10/2010 và các hướng dẫn tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”.	Các văn bản chỉ đạo và kết quả thực hiện việc bồi dưỡng.	20	
6.4.3	Triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ trong nhà trường.	Kết quả triển khai việc sử dụng hồ sơ sổ sách tại các trung tâm giáo dục thường xuyên .	10	

fel

7.	Nhiệm vụ 7: Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo		100	Cục Hợp tác quốc tế
7.1	Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế trung hạn, kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm và tổ chức thực hiện về hợp tác quốc tế đối với các đơn vị cấp dưới.	- Chiến lược hợp tác quốc tế trung hạn, kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm. - Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo về hoạt động hợp tác quốc tế.	30	
7.2	- Có thỏa thuận, hợp tác với nước ngoài còn hiệu lực (có 1, từ 2 đến 5 và trên 5). - Có chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài đang trong giai đoạn thực hiện (có 1, từ 2 đến 5 và trên 5).	- Danh sách thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực. - Danh sách các dự án, chương trình hợp tác đang thực hiện.	30	
7.3	- Có cơ sở giáo dục có thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giáo dục tích hợp. - Quản lý tốt các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ sở giáo dục giảng dạy chương trình nước ngoài. - Quản lý tốt các cơ sở hoạt động tư vấn du học.	- Danh sách các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và giảng dạy chương trình nước ngoài, đối tác hợp tác. - Thông tin về các cơ sở giáo dục và việc công khai, minh bạch thông tin của các cơ sở giáo dục này. - Thông tin về các tổ chức tư vấn du học. - Kết quả về việc thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có).	40	
8.	Nhiệm vụ 8: Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo		100	Cục Cơ sở vật chất
8.1	Thực hiện công tác cơ sở vật chất và đảm bảo các công trình vệ sinh, nước sạch trong các cơ sở giáo dục	- Kế hoạch chi tiết và văn bản chỉ đạo của sở (đã được phê duyệt) - Thực trạng nhà vệ sinh đạt chuẩn, số lượng công trình nước sạch các cơ sở giáo dục: + Số lượng nhà vệ sinh đạt chuẩn (theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016) đạt tỷ lệ 60% trở lên. + Số lượng cơ sở giáo dục có công trình nước	35	

		<p>sạch đạt tỷ lệ 80% trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh và các công trình nước sạch của các cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện: tăng một trong các tỷ lệ nêu trên 5% trở lên so với cùng kỳ năm trước. - Thực trạng cơ sở vật chất: <ul style="list-style-type: none"> + Số lượng phòng học cấp tiểu học đạt tỷ lệ 0,9 phòng/lớp + Số lượng phòng học bộ môn đáp ứng quy định đạt tỷ lệ 70% + Công trình kiên cố ở tất cả các cấp học mầm non và tiểu học đạt tỷ lệ tối thiểu 60% + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện: tăng một trong các tỷ lệ nêu trên 5% trở lên so với cùng kỳ năm trước. 		
8.2	Thực hiện công tác thiết bị dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đã phê duyệt của các cấp, các ngành ở địa phương về việc đầu tư thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và thư viện trường phổ thông. - Kế hoạch chi tiết và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo (đã được phê duyệt). - Báo cáo về tỷ lệ thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em đáp ứng yêu cầu tối thiểu (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định) đảm bảo: Tính trung bình của các cấp học (mầm non, tiểu học, THCS và THPT) đầu năm học đáp ứng 70% yêu cầu tối thiểu; cuối năm học tăng 10% so với đầu năm học. - Báo cáo về tỷ lệ thư viện trong các cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã 	35	

fat

		nộp theo quy định) đảm bảo: 100% các cơ sở giáo dục phổ thông có thư viện trường học, trong đó 70% số thư viện trường học đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư bổ sung thư viện cho các cơ sở giáo dục phổ thông cuối năm học tăng 10% so với đầu năm học. - Kết quả công tác kiểm tra, đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định).		
8.3	Thực hiện Chương trình Môi trường quốc gia và xây dựng nông thôn mới	- Kế hoạch chi tiết và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo (đã được phê duyệt). - Kết quả công tác kiểm tra, hỗ trợ và đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định).	15	
8.4	Thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành Giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2011) và chấp hành chế độ báo cáo theo quy định.	- Kế hoạch chi tiết và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo (đã được phê duyệt). - Kết quả công tác kiểm tra, đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định).	15	
9.	Nhiệm vụ 9: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao		100	
9.1	Quản lý các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm trên địa bàn; gắn kết phát triển giáo dục và đào tạo với nhu cầu địa phương.		50	Vụ GD Đại học
	Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc:			
9.1.1	Thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu cơ sở giáo dục đại học (nếu có); tham gia và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm; kiểm tra và xác nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo để Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục đại học trên địa	- Các văn bản, ý kiến tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Kết quả kiểm tra và xác nhận các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo để Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với các cơ sở	10	

	bản theo quy định.	giáo dục đại học trên địa bàn theo quy định.		
9.1.2	Xác định nhu cầu đào tạo giáo viên các cấp học, môn học của tỉnh để làm căn cứ cho Bộ giao chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm hàng năm.	- Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo giáo viên các cấp học, môn học. - Các văn bản, ý kiến tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nhu cầu và chỉ tiêu hằng năm.	10	
9.1.3	Đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và sử dụng người học khi tốt nghiệp theo quy định.	- Văn bản đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và sử dụng người học khi tốt nghiệp theo quy định.	10	
9.1.4	Quản lý các trường đại học công lập trực thuộc tỉnh, các trường đại học tư thục trên địa bàn theo quy định của pháp luật.	- Báo cáo kết quả thực hiện quản lý các trường đại học công lập trực thuộc tỉnh, các trường đại học tư thục trên địa bàn theo quy định của pháp luật.	10	
9.1.5	- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giáo dục tại địa phương theo quy định. - Chấp thuận, hướng dẫn, quản lý, thanh tra, kiểm tra việc các cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo trình độ đại học, đào tạo một số học phần trình độ thạc sĩ trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình hoạt động liên kết và đào tạo giáo dục đại học tại địa phương.	- Các văn bản, ý kiến tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện pháp luật về giáo dục tại địa phương. - Báo cáo việc tổ chức hướng dẫn, quản lý, thanh tra, kiểm tra việc các cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo trình độ đại học, đào tạo một số học phần trình độ thạc sĩ trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo về tình hình hoạt động liên kết và đào tạo giáo dục đại học tại địa phương	10	
9.2	Hỗ trợ học sinh khởi nghiệp		50	Vụ GD chính trị và Công tác HSSV
9.2.1	Triển khai công tác hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp cụ thể trên cơ sở kế hoạch năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Kế hoạch triển khai của Sở; các chương trình, giải pháp cụ thể.	10	
9.2.2	Công tác truyền thông	Có giải pháp truyền thông; có tài liệu truyền thông, tài liệu hướng dẫn nâng cao nhận thức cho	10	

fat

		giáo viên, học sinh		
9.2.3	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên kiến thức, kỹ năng về hỗ trợ học sinh khởi nghiệp.	Kết quả thực hiện.	10	
9.2.4	Tập huấn lan tỏa cho học sinh	Số lượng học sinh được đào tạo, tập huấn, trải nghiệm các hoạt động khởi nghiệp	10	
9.2.5	Tham dự Cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo, địa phương, đơn vị tổ chức.	Số lượng thống kê các dự án, ý tưởng tham dự và đoạt giải.	10	
10.	Giải pháp 1: Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra về giáo dục đào tạo.		250	
10.1	Công tác pháp chế		100	Vụ Pháp chế
10.1.1	Tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/bảng phân công nhiệm vụ thực hiện công tác pháp chế.	25	
10.1.2	Chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham gia góp ý các văn bản có liên quan đến giáo dục; xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành trong phạm vi ngành tại địa phương.	Thống kê danh mục các văn bản đã soạn thảo, góp ý, ban hành.	25	
10.1.3	Thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.	Thống kê số lượng, danh mục văn bản và kết quả thực hiện.	25	
10.1.4	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường; tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương.	Thống kê số lượng, hình thức, kết quả các cuộc tuyên truyền, phổ biến.	25	
10.2	Công tác cải cách hành chính, tổng hợp, thống kê		50	Văn phòng

fat

10.2.1	Tổng hợp tình hình thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo việc triển khai các hoạt động đầu năm học và tình hình tổ chức khai giảng (quy định tại Quyết định số 2071/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Công văn số 3421/BGDĐT-VP ngày 08/8/2019). - Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học (tại Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). - Báo cáo thông tin trước 02 kỳ họp Quốc hội (Công văn số 1802/BGDĐT-VP ngày 28/4/2019 yêu cầu các Sở GDĐT báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh/thành phố trước các kỳ họp Quốc hội). - Định kỳ hằng tháng báo cáo tình hình triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản ở các địa phương (tại Quyết định số 68/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). 	10	
10.2.2	Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ban hành Kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (quy định tại Quyết định số 2071/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). - Kế hoạch hoặc Chỉ thị nhiệm vụ trọng tâm năm học của địa phương (tại Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). - Kế hoạch của địa phương triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục (tại Quyết định số 68/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng 	10	



		<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>		
10.2.3	Cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại http://csdl.moet.gov.vn ; thực hiện báo cáo thống kê theo quy định.	Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu thông tin và tổng hợp nộp báo cáo thống kê giáo dục của địa phương đúng hạn; báo cáo thống kê sau khi nộp không bị trả lại vì chưa đảm bảo yêu cầu.	10	
10.2.4	- Công tác cải cách thủ tục hành chính: Công bố, công khai các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ: Công bố công khai 100% thủ tục hành chính (10 điểm); từ 75% đến dưới 100% (5 điểm); dưới 75% (0 điểm) - Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn, gồm 3 mức: Đạt 100% (10 điểm); từ 75% đến dưới 100% (5 điểm); dưới 75% (0 điểm)	- Tỷ lệ các Quyết định công bố thủ tục hành chính được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (báo cáo cải cách hành chính).	20	
10.3	Công tác thanh tra, kiểm tra		100	Thanh tra
10.3.1	Xây dựng, kiện toàn đội ngũ thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra đảm bảo về cơ cấu, số lượng để thực hiện nhiệm vụ; được bồi dưỡng theo quy định; đảm bảo các điều kiện cho hoạt động thanh tra (cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí hoạt động, bồi dưỡng, tập huấn ...).	- Kế hoạch và kết quả tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra đầu năm học. - Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra. - Quyết định công nhận cộng tác viên thanh tra. - Quyết định bổ nhiệm thanh tra viên. - Quyết định bổ nhiệm mới lãnh đạo Thanh tra sở.	20	
10.3.2	Xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm gắn với việc thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ, 05 nhóm giải pháp, khắc phục bệnh thành tích và các vấn đề nóng của Ngành, phân biệt rõ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.	Kế hoạch thanh tra năm học.	20	
10.3.3	Tổ chức hoạt động thanh tra đúng quy trình, kết luận thanh tra đúng pháp luật, phản ánh đúng thực tế khách	- Các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất.	20	

	quan; tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra đúng quy định.	- Kết quả công khai kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra. - Các văn bản xử lý sau thanh tra, kiểm tra.		
10.3.4	- Hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc trong công tác kiểm tra. - Phối hợp với thanh tra tỉnh, thanh tra cấp huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn.	- Văn bản hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc trong công tác kiểm tra. - Văn bản phối hợp với thanh tra tỉnh, thanh tra huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn. - Văn bản phối hợp, cử người tham gia thanh tra, kiểm tra với các cấp.	20	
10.3.5	- Tổ chức tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định không để phát sinh điểm nóng và nhiều đơn thư vượt cấp. - Tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thảo, tập huấn do Bộ/Thanh tra Bộ tổ chức; sử dụng phần mềm quản lý công tác thanh tra theo hướng dẫn của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Các văn bản xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng. - Kết quả tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn, các đoàn thanh tra, kiểm tra do Bộ, Thanh tra Bộ, Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức. - Bổ sung đầy đủ các nội dung trong phần mềm quản lý công tác thanh tra theo hướng dẫn của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo.	20	
11.	Giải pháp 2: Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục		100	Cục Nhà giáo và Cán bộ QLGD
11.1	Tổ chức triển khai, thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý sở, phòng giáo dục và đào tạo	Văn bản quán triệt, phổ biến, triển khai thực hiện Thông tư quy định về tiêu chuẩn chức danh giám đốc, phó giám đốc sở giáo dục và đào tạo, trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo	40	

Handwritten signature

11.2	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý sở, phòng giáo dục và đào tạo.	Kế hoạch và kết quả cử giám đốc, phó giám đốc sở giáo dục và đào tạo, trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý sở, phòng giáo dục và đào tạo.	40	
11.3	Phối hợp với các cơ quan, ban ngành tổ chức tốt công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục.	Kế hoạch, kết quả công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục.	20	
12.	Giải pháp 3: Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo		100	Vụ Kế hoạch - Tài chính
12.1	Bảo đảm đủ kinh phí để chi cho hoạt động giáo dục tại địa phương theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg. Trong đó, đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn tối thiểu 18%, chi thường xuyên tối đa 82%.	Nội dung liên quan trong kế hoạch ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố. Kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của sở giáo dục và đào tạo	20	
12.2	Xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương hằng năm.	Kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương với đầy đủ các số liệu	15	
12.3	Đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương cho các chương trình, đề án, dự án theo quy định.	Quyết định giao vốn cho Chương trình, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh thể hiện rõ nguồn vốn đối ứng của địa phương.	10	
12.4	Triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 06/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo.	Văn bản chỉ đạo, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.	10	
12.5	Có kế hoạch/lộ trình phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; lồng ghép các nội dung và chỉ tiêu xã hội hóa giáo dục vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.	Văn bản/quyết định phê duyệt kế hoạch/lộ trình phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; nội dung xã hội hóa lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.	10	
12.6	Quy hoạch quỹ đất dành cho giáo dục và ban hành các chính sách ưu đãi về giao đất, cho thuê đất để đầu tư	Văn bản/quyết định phê duyệt quy hoạch quỹ đất dành cho giáo dục, văn bản/quyết định ban hành	10	

	xây dựng các cơ sở giáo dục ngoài công lập.	các ưu đãi về giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với điều kiện của địa phương.		
12.7	Tăng cường quảng bá, giới thiệu cơ hội đầu tư, kịp thời hướng dẫn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư.	Các cuộc tiếp xúc, diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, đối thoại với doanh nghiệp đầu tư cho giáo dục.	10	
12.8	Thực hiện báo cáo định kỳ về đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trên địa bàn, đơn vị.	Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục tại địa phương, phản ánh, kiến nghị về xã hội hóa giáo dục.	15	
13.	Giải pháp 4: Công tác khảo thí và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục		100	Cục Quản lý chất lượng
13.1	Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quản lý chất lượng (bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; thi và đánh giá chất lượng; quản lý văn bằng, chứng chỉ) đảm bảo tính thực tiễn, khả thi, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn triển khai và chỉ đạo kiểm tra công tác này có hiệu quả	- Kế hoạch triển khai theo các lĩnh vực. - Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra công tác này của đơn vị.	20	
13.2	- Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn và các hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; tổ chức các hội nghị và tập huấn về quản lý chất lượng tại đơn vị. - Tham gia góp ý các dự thảo văn bản theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Văn bản cử người tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn; tham gia các hoạt động chuyên môn (thi, đánh giá chất lượng, đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục ...); kết quả các hội nghị, tập huấn của đơn vị. - Các văn bản góp ý của đơn vị.	20	
13.3	Thực hiện tốt công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học và theo các quy định hiện hành.	Kết quả thực hiện công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.	20	
13.4	Thực hiện các hoạt động đánh giá; tổ chức các kỳ thi của đơn vị; tham gia tổ chức kỳ thi trung học phổ	Kết quả thực hiện.	20	

	thông quốc gia và kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.			
13.5	Công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Kết quả thực hiện.	20	
14.	Giải pháp 5: Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo		100	Văn phòng
14.1	Website thường xuyên hoạt động, tương tác, cập nhật thông tin, có đường link với website Bộ.	Địa chỉ website, Website được cập nhật thông tin thường xuyên và link với website Bộ.	25	
14.2	- Có cán bộ phụ trách truyền thông. - Có kế hoạch truyền thông năm học, xử lý sự cố truyền thông nhanh, hiệu quả. - Tổ chức tập huấn báo chí, truyền thông nội bộ. - Chủ động quan hệ, phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí.	- Danh sách cán bộ phụ trách truyền thông. - Kế hoạch truyền thông của đơn vị, kết quả xử lý sự cố truyền thông. - Có tập huấn truyền thông. - Kết quả thực hiện.	50	
14.3	Phối hợp truyền thông chặt chẽ với Bộ	Kết quả thực hiện.	25	
	Tổng số điểm theo 9 nhiệm vụ, 5 giải pháp		2250	
	Điểm thưởng		250	
	Tổng số điểm		2500	

fat